

**ĐIỀU LỆ QUỸ**  
**QUỸ ĐẦU TƯ LỢI THẾ CẠNH**  
**TRANH BỀN VỮNG SSI**  
**(SSI-SCA)**

## ĐIỀU LỆ QUỸ ĐẦU TƯ LỢI THẾ CẠNH TRANH BỀN VỮNG SSI

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	5
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA .....	5
Chương I. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG .....	8
<b>Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ .....</b>	<b>8</b>
<b>Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ .....</b>	<b>8</b>
<b>Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ .....</b>	<b>8</b>
<b>Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng Chỉ Quỹ chào bán .....</b>	<b>8</b>
<b>Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ .....</b>	<b>8</b>
<b>Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ.....</b>	<b>8</b>
<b>Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát.....</b>	<b>8</b>
Chương II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ.....	9
<b>Điều 8. Mục tiêu đầu tư.....</b>	<b>9</b>
<b>Điều 9. Chiến lược đầu tư.....</b>	<b>9</b>
<b>Điều 10. Hạn chế đầu tư .....</b>	<b>10</b>
<b>Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ.....</b>	<b>10</b>
<b>Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư .....</b>	<b>11</b>
Chương III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ .....	11
<b>Điều 13. Nhà Đầu Tư.....</b>	<b>11</b>
<b>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư.....</b>	<b>11</b>
<b>Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư.....</b>	<b>12</b>
<b>Điều 16. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ .....</b>	<b>12</b>
<b>Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.....</b>	<b>13</b>
<b>Điều 18. Giá Phát Hành lần đầu, giá bán, giá mua lại Đơn Vị Quỹ.....</b>	<b>14</b>
<b>Điều 19. Phí Phát Hành, Phí Mua Lại, Phí Chuyển Đổi Đơn Vị Quỹ .....</b>	<b>14</b>
<b>Điều 20. Thừa kế Chứng Chỉ Quỹ.....</b>	<b>15</b>
Chương IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ .....	16
<b>Điều 21. Đại Hội Nhà Đầu Tư.....</b>	<b>16</b>
<b>Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư .....</b>	<b>16</b>
<b>Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản .....</b>	<b>17</b>
<b>Điều 24. Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư .....</b>	<b>18</b>
<b>Điều 25. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.....</b>	<b>19</b>
Chương V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ .....	19
<b>Điều 26. Ban Đại Diện Quỹ .....</b>	<b>19</b>
<b>Điều 27. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ.....</b>	<b>20</b>

<b>Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ</b> .....	20
<b>Điều 29. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ</b> .....	20
<b>Điều 30. Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quỹ</b> .....	21
<b>Điều 31. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại Diện Quỹ</b> .....	21
<b>Điều 32. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ</b> .....	21
Chương VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	22
<b>Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ</b> .....	22
<b>Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ</b> .....	22
<b>Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ</b> .....	24
<b>Điều 36. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ</b> .....	25
Chương VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	26
<b>Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát</b> .....	26
<b>Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát</b> .....	27
<b>Điều 39. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát</b> .....	28
<b>Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát</b> .....	29
CHƯƠNG VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN.....	29
<b>Điều 41. Các hoạt động được ủy quyền</b> .....	29
<b>Điều 42. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan</b> .....	29
<b>Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan</b> .....	30
<b>Điều 44. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền</b> .....	31
<b>Điều 45. Chấm dứt hoạt động ủy quyền</b> .....	31
Chương IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH.....	32
<b>Điều 46. Điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ</b> .....	32
<b>Điều 47. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối</b> .....	32
<b>Điều 48. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ</b> .....	33
Chương X. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	34
<b>Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán</b> .....	34
<b>Điều 50. Năm tài chính</b> .....	34
<b>Điều 51. Chế độ kế toán</b> .....	34
<b>Điều 52. Báo cáo tài chính</b> .....	34
<b>Điều 53. Báo cáo khác</b> .....	35
Chương XI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ.....	35
<b>Điều 54. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng</b> .....	35
<b>Điều 55. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ</b> .....	35
<b>Điều 56. Quy trình định giá tài sản quỹ</b> .....	36
<b>Điều 57. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ</b> .....	36

<b>Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá .....</b>	<b>36</b>
Chương XII. LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ QUỸ.....	37
<b>Điều 59. Lợi nhuận của Quỹ.....</b>	<b>37</b>
<b>Điều 60. Chi phí hoạt động của Quỹ .....</b>	<b>37</b>
Chương XIII. TÁI CƠ CẤU QUỸ.....	39
<b>Điều 61. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập.....</b>	<b>39</b>
<b>Điều 62. Các điều kiện tách quỹ .....</b>	<b>39</b>
<b>Điều 63. Các điều kiện giải thể Quỹ .....</b>	<b>40</b>
Chương XIV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH .....	40
<b>Điều 64. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ .....</b>	<b>40</b>
Chương XV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ .....	40
<b>Điều 65. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư.....</b>	<b>40</b>
<b>Điều 66. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ.....</b>	<b>41</b>
<b>Điều 67. Đăng ký Điều Lệ .....</b>	<b>41</b>
<b>Điều 68. Điều khoản thi hành.....</b>	<b>41</b>
PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ .....	42
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT .....	43
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT .....	44

## **ĐIỀU LỆ QUỸ ĐẦU TƯ LỢI THẾ CẠNH TRANH BỀN VỮNG SSI**

### **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

1. Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007;
2. Luật Sửa Đổi, Bổ Sung Một Số Điều của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2011;
3. Nghị Định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Luật Sửa Đổi, Bổ Sung Một Số Điều Của Luật Chứng Khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2012;
4. Nghị Định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
5. Thông Tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
6. Thông Tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;
7. Thông Tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;
8. Thông Tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
9. Thông Tư số 213/2012/TT-BTC ngày 6 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
10. Quyết Định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài Chính ban hành quy chế hành nghề chứng khoán;
11. Thông Tư số 147/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài Chính ban hành quy chế hành nghề chứng khoán về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy chế hành nghề chứng khoán” được ban hành kèm theo quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài Chính;
12. Thông Tư số 52/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
13. Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

### **II. CÁC ĐỊNH NGHĨA**

Tại Điều Lệ này, các từ, cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

“Bản Cáo Bạch”	là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ.
“Ban Đại Diện Quỹ”	là những người đại diện cho Nhà Đầu Tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ bầu ra để thay mặt Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
“Công Ty Kiểm Toán”	là một công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và được Đại

	Hội Nhà Đầu Tư chỉ định theo quy định của điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ.
“Cổ Tức Quỹ”	là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư.
“Công Ty Quản Lý Quỹ” hay “Công Ty”	là Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM), được thành lập theo Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 19/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 03/8/2007, Giấy Phép Điều Chính số 12/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 27/7/2011. Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI được uỷ thác quản lý Quỹ SSI-SCA, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
“Chứng Chỉ Quỹ Đầu Tư” hay “Chứng Chỉ Quỹ”	là chứng khoán do Công Ty Quản Lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư đó đang sở hữu.
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	là Đại Hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Đại Lý Chuyển Nhượng”	là Ngân Hàng Deutsche Bank AG – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh, được ủy quyền quản lý Sổ Đăng Ký của Quỹ.
“Đại Lý Phân Phối”	là tổ chức được ủy quyền nhận lệnh giao dịch Chứng Chỉ Quỹ từ Nhà Đầu Tư.
“Điều Lệ Quỹ”	là Điều Lệ Quỹ SSI-SCA, bao gồm Điều Lệ, các Phụ Lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
“Đơn Vị Quỹ”	là Vốn Điều Lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá Đơn Vị Quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ Đơn Vị Quỹ. Mỗi Đơn Vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Giá Bán/Giá Phát Hành”	là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một Đơn Vị Quỹ. Giá Bán/Giá Phát Hành được quy định tại Điều 18 Điều Lệ Quỹ.
“Giá Mua Lại”	là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một Đơn Vị Quỹ. Giá mua lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ trừ đi Phí Mua Lại Chứng Chỉ Quỹ đã quy định tại Điều Lệ Quỹ.
“Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ”	là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày Định Giá.
“Hợp Đồng Giám Sát”	là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI.
“Năm Tài Chính”	là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm Tài Chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12

	của năm đó.
“Ngày Định Giá”	là ngày Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng Khoán và Điều Lệ Quỹ, bao gồm các Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ và các ngày khác mà Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo hoặc các mục đích khác.
“Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ” hay “Ngày Giao Dịch”	là Ngày Định Giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng Chỉ Quỹ theo quy định tại Điều 16.2 của Điều Lệ này.
“Ngân Hàng Giám Sát” hay “Deutsche Bank”	là Ngân Hàng Deutsche Bank AG – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Giấy phép số 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28/6/1995 và Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 09/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 16/10/2000, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Điều 38 của Điều Lệ này.
“Nhà Đầu Tư”	là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ.
“Phí Phát Hành/Phí Mua Lại”	là phí mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ cho Quỹ. Phí Phát Hành/Phí Mua Lại tính theo tỷ lệ phần trăm Giá Trị Tài Sản Ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ quy định tại Điều 19 của Điều Lệ này.
“Phí Quản Lý Quỹ”	là phí phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ được quy định tại Điều 60 của Điều Lệ.
“Quỹ” hay “Quỹ SSI-SCA”	là Quỹ Đầu Tư Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI, thực hiện chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều Lệ Quỹ.
“Sổ Đăng Ký”	là tài liệu ghi nhận thông tin về Nhà Đầu Tư sở hữu Chứng Chỉ Quỹ.
“Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh”	là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện giao dịch.
“Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước” hay “UBCKNN”	là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước của Việt Nam.
“Vốn Điều Lệ”	là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ Quỹ.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng Khoán và các văn bản khác có liên quan.

## **Chương I**

### **CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

#### **Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ**

- Tên Quỹ	QUỸ ĐẦU TƯ LỢI THẾ CẠNH TRANH BỀN VỮNG SSI
- Tên viết tắt	SSI-SCA
- Tên tiếng Anh	SSI Sustainable Competitive Advantage Fund
- Loại hình quỹ	Quỹ mở
- Địa chỉ liên hệ	Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI Tầng 5, Tòa nhà 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại	04 3936 6321      Fax: 04 3936 6337.

#### **Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ**

Quỹ không bị giới hạn thời hạn hoạt động.

#### **Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ**

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng Chỉ Quỹ chào bán**

1. Vốn Điều Lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là: 50.000.000.000 VNĐ (Năm mươi tỷ đồng).

Số vốn này được chia thành tối thiểu 5.000.000 (Năm triệu) Đơn Vị Quỹ.

Mệnh giá của mỗi Đơn Vị Quỹ là 10.000 đồng.

2. Nhà Đầu Tư góp vốn bằng tiền Đồng dưới hình thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.

3. Quỹ không bị giới hạn số lượng Đơn Vị Quỹ được phép lưu hành tối đa trừ khi Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.

4. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ huy động tối đa phải do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.

#### **Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ**

Đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

#### **Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ**

- Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 19/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 3/8/2007
- Trụ sở chính: Tầng 5, 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Điện thoại: (04) 39366321      Fax: (04) 39366337

#### **Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát**

Ngân Hàng Deutsche Bank AG – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh

- Giấy phép thành lập số 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28/6/1995;



- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 09/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/10/2000;
- Trụ sở chính: Tầng 14 Tòa nhà Sài Gòn Center, 65 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 6299 8941 Fax: (84-8)3824 4602

## **Chương II**

### **CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 8. Mục tiêu đầu tư**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng giá trị tài sản ròng dài hạn và tạo thu nhập ổn định cho Nhà Đầu Tư thông qua việc đầu tư vào các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững và các tài sản có thu nhập cố định.

#### **Điều 9. Chiến lược đầu tư**

##### 1. Chiến lược đầu tư:

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động, tập trung đầu tư vào danh mục các cổ phiếu niêm yết của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, có thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh, có khả năng hoạt động tốt trong điều kiện thị trường không thuận lợi, và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của các công ty. Quỹ cũng sẽ đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ.

2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư: Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

##### 3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- c) Trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam
- e) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;

4. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này phát hành tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

5. Trường hợp Quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại điểm e khoản 3 phải được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện. Đồng thời, phải có cam kết của tổ chức phát hành hoặc tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch

## **Điều 10. Hạn chế đầu tư**

1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo các quy định sau:

- a) Không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 9 Điều Lệ này;
- b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó giá trị chứng khoán phái sinh quy định tại điểm f khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này là giá trị cam kết của hợp đồng;
- c) Không được đầu tư vào quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành. Chứng khoán quy định tại điểm này bao gồm cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ, không vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

2. Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h, i khoản 1 Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư do các nguyên nhân sau:

- a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
- c) Do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư.
- d) Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
- e) Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ;
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.

4. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

## **Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để tài trợ cho hoạt động của Quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày. Các khoản vay này phải được Ban Đại Diện Quỹ thông qua trên cơ sở đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ và xác nhận của Ngân Hàng Giám Sát rằng Quỹ có khoản phải thu đối ứng tương đương trong cùng thời gian vay.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác;

4. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ theo quy định của Bộ Tài Chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính Phủ.

#### **Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư**

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đưa ra các phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp, tuân thủ các quy định tại Điều 8, 9, 10, 11 Điều lệ này, các quy định khác tại Điều Lệ này và các quy định của pháp luật.

### **Chương III**

#### **NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**

#### **Điều 13. Nhà Đầu Tư**

1. Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng Chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

2. Nhà Đầu Tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu Tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng Chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu Tư pháp nhân ký.

#### **Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư**

1. Nhà Đầu Tư có quyền:

- a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ nắm giữ;
- b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ;
- c) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ;
- d) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- e) Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều Lệ.

2. Nhà Đầu Tư có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Chấp hành quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- b) Thanh toán đủ tiền mua Chứng Chỉ Quỹ và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng Chỉ Quỹ;
- c) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều Lệ.

## **Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư chính (sổ chính) hoặc đại lý ký danh lập, quản lý sổ phụ và xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.

2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:

- a) Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà Đầu Tư; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);
- b) Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ;
- c) Số tài khoản; hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài);
- d) Số lượng Đơn Vị Quỹ sở hữu; ngày đăng ký sở hữu (vào Sổ chính).

3. Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư, kể cả Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu Tư được cập nhật tại Sổ chính.

## **Điều 16. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ**

1. Sau thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ nhưng không ít hơn hai (02) lần một (01) tháng và theo quy định tại Bản Cáo Bạch.

2. Tần suất giao dịch của Quỹ:

Chứng Chỉ Quỹ SSI-SCA được giao dịch một (01) lần một (01) tuần, vào các **ngày Thứ 5** hàng tuần (“Ngày Giao Dịch”).

Trong trường hợp Ngày Giao Dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc gần nhất sau đó. Nếu ngày làm việc gần nhất sau đó là ngày Thứ Tư thì Ngày Giao Dịch sẽ là ngày Thứ Năm của tuần đó. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về Ngày Giao Dịch trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Lệnh giao dịch phải được gửi tới Đại Lý Phân Phối đã công bố tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

3. Lệnh mua được chấp nhận khi hồ sơ đăng ký mua được Đại Lý Chuyển Nhượng chấp nhận và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận đã nhận được khoản thanh toán đầy đủ. Chi tiết về lệnh mua được quy định tại Bản Cáo Bạch.

4. Lệnh bán được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là do Nhà Đầu Tư đó nắm giữ. Chi tiết về lệnh bán được quy định tại Bản Cáo Bạch.

5. Lệnh chuyển đổi nhằm bán Đơn Vị Quỹ của Quỹ này để mua Đơn Vị Quỹ của Quỹ khác cùng do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý trong trường hợp các Quỹ kia có quy định cho phép chuyển đổi quỹ. Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- a) Lệnh Bán đối với Đơn Vị Quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện Lệnh Mua của Đơn Vị Quỹ mục tiêu;
- b) Các Lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của các Quỹ tương ứng;
- c) Nhà Đầu tư chỉ phải thanh toán Phí Chuyển Đổi theo quy định mà không phải thanh toán Phí Mua, Phí Bán đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại điểm a, b Khoản này.

6. Các Lệnh giao dịch được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch. Lệnh giao dịch nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh được thực hiện vào Ngày Giao Dịch. Các Lệnh nhận sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh được thực hiện vào Ngày Giao Dịch tiếp theo.

#### 7. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh

- Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ.
- Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh: 10:30 sáng ngày làm việc gần nhất trước Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ.

8. Phương thức thanh toán: Tất cả các khoản thanh toán để mua Chứng Chỉ Quỹ mở đều phải thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát.

9. Nhà Đầu Tư có thể tham gia mua Chứng Chỉ Quỹ theo Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ. Cách thức đặt lệnh giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, thời điểm đóng sổ lệnh, phương thức thanh toán, phí giao dịch và các quy định liên quan đến Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

### **Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư một trong các trường hợp sau:

- a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ; hoặc
- b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư dẫn tới Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư cho đến khi Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ bằng đúng năm mươi (50) tỷ đồng.
- c) Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do:
  - Tính thanh khoản của thị trường thấp;
  - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

2. Đối với việc thực hiện một phần lệnh giao dịch theo quy định tại khoản 1 nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ.

- Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.
- Số lượng Chứng Chỉ Quỹ được mua lại trong trường hợp này được tính theo công thức sau

$$X_i = SLDK_i * \frac{SLTT}{\sum SLDK_i}$$

Trong đó:

Xi: số lượng Chứng Chỉ Quỹ thực tế của Nhà Đầu Tư i được thực hiện (hay số lượng Chứng Chỉ Quỹ khớp lệnh bán). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

SLDKi: số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư đăng ký bán.

SLTT: tổng số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Công Ty Quản Lý Quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán của Nhà Đầu Tư.

$\Sigma$  SLDKi: tổng số lượng Chứng Chỉ Quỹ đăng ký bán trong kỳ.

- Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ bị hủy bỏ. Nhà Đầu Tư phải đăng ký giao dịch tại các kỳ giao dịch kế tiếp.
- Trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện một phần quy định về số dư Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu trên tài khoản sẽ không áp dụng.

3. Chứng Chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
- Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ vào Ngày Định Giá mua lại Chứng Chỉ Quỹ mở do sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Các sự kiện khác mà Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước xét thấy là cần thiết.

4. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo cho Nhà Đầu Tư tùy vào tình hình thực tế nhưng không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ gần nhất.

5. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch giao dịch Chứng Chỉ Quỹ nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

6. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

### **Điều 18. Giá Phát Hành lần đầu, giá bán, giá mua lại Đơn Vị Quỹ**

1. Giá Phát Hành lần đầu ra công chúng của một Đơn Vị Quỹ bằng mệnh giá của Đơn Vị Quỹ cộng với Phí Phát Hành.

2. Giá Bán một Đơn Vị Quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ tính tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ, cộng với Phí Phát hành (nếu có).

3. Giá Mua Lại một Đơn Vị Quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ tính tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ trừ đi Phí Mua lại (nếu có).

### **Điều 19. Phí Phát Hành, Phí Mua Lại, Phí Chuyển Đổi Đơn Vị Quỹ**

Các khoản Phí Phát Hành, mua lại và chuyển đổi sẽ được Nhà Đầu Tư thanh toán, không được coi là chi phí của Quỹ. Các mức phí cụ thể như sau:

1. Phí Phát Hành:

a) Phí Phát Hành trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là 1% của Mệnh Giá Đơn Vị Quỹ.

b) Phí Phát Hành trong Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ:

STT	Giá trị mua (VNĐ)	Phí mua (% giá trị mua)
1	Từ 2.000.000 đến dưới 1.000.000.000	1,05%
2	Từ 1.000.000.000 đến 10.000.000.000	0,7%
3	Trên 10.000.000.000	0,35%

c) Phí Phát Hành các lần tiếp theo được tính theo giá trị của lệnh mua, cụ thể:

STT	Giá trị mua (VNĐ)	Phí mua (% giá trị mua)
1	Từ 2.000.000 đến dưới 1.000.000.000	1,5%
2	Từ 1.000.000.000 đến 10.000.000.000	1%
3	Trên 10.000.000.000	0,5%

2. Phí Mua Lại:

Phí Mua Lại được tính theo thời gian nắm giữ Đơn Vị Quỹ. Các mức phí cụ thể như sau:

STT	Thời gian nắm giữ Đơn Vị Quỹ (tháng)	Phí Mua Lại
1	Dưới mười hai (12) tháng	1%
2	Từ mười hai (12) tháng đến hai mươi tư (24) tháng	0,5%
3	Trên hai mươi tư (24) tháng	0%

3. Phí Chuyển Đổi Quỹ:

Là phí mà Nhà Đầu Tư phải trả khi đăng ký giao dịch chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ SSI-SCA sang một quỹ mở khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý tại các kỳ giao dịch tiếp theo sau khi Quỹ SSI-SCA được thành lập

- Nhà Đầu Tư không phải trả Phí Phát Hành và Phí Mua Lại khi thực hiện chuyển đổi các loại Chứng Chỉ Quỹ.
- Phí chuyển đổi tại các lần giao dịch tiếp theo là: 0,2% tổng giá trị chuyển đổi thực hiện được của Quỹ bị chuyển đổi.

4. Phí Chuyển Nhượng:

- Là phí mà Nhà Đầu Tư phải trả khi đăng ký thực hiện các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại như cho, biếu, tặng, thừa kế...
- Phí Chuyển Nhượng là 200.000 VNĐ/ một lần chuyển nhượng.

5. Các khoản phí nêu trên sẽ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối. Phần thanh toán cho Đại Lý Phân Phối sẽ được tính trên Hợp Đồng Đại Lý Phân Phối được ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối. Ngân Hàng Giám Sát, Lưu Ký sẽ chuyển trả trực tiếp phần phí này cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối dựa trên kết quả tính toán của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan và chỉ thị thanh toán của Quỹ.

## Điều 20. Thừa kế Chứng Chỉ Quỹ

1. Việc thừa kế Chứng Chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

## **Chương IV** **ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ**

### **Điều 21. Đại Hội Nhà Đầu Tư**

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà Đầu Tư vào thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư đều có quyền tham dự.

2. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm phải được tổ chức trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm của Quỹ đã được kiểm toán bởi Công Ty Kiểm Toán. Việc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trên cơ sở Nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ nếu không liên quan đến một trong các nội dung quy định tại khoản 2,3 và 4 Điều 22 của Điều Lệ này.

3. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:

- a) Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc Ngân Hàng Giám Sát, hoặc Ban Đại Diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
- b) Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập Đại Hội.

4. Việc tổ chức họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư.

5. Trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về các vấn đề quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 22 của Điều lệ này, trong các trường hợp khác, Công Ty Quản Lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, thay vì tổ chức họp.

### **Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư**

1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát;
2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; phương án phân phối lợi nhuận;
3. Tăng mức phí trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;
4. Sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ;
5. Tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ; tách quỹ;
6. Giải thể Quỹ;
7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ.
8. Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ.
9. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.



10. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 85 Luật Chứng Khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp và tại Điều Lệ.

### **Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản**

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được thông báo công khai cho Nhà Đầu Tư và báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước tối thiểu ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành Đại Hội.

2. Nhà Đầu Tư có thể trực tiếp tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác.

3. Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành.

4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.

5. Thể thức, hình thức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư:

a) Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng các cách bố trí để những Nhà Đầu Tư hoặc đại diện được ủy quyền của họ muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại Hội có thể đồng thời tham dự Đại Hội. Địa điểm chính của Đại Hội là địa điểm ghi trên thông báo mời họp và Chủ tọa Đại Hội có mặt ở đó.

b) Đại Hội Nhà Đầu Tư do Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ chủ trì. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc các thành viên còn lại chỉ định một thành viên Ban Đại Diện Quỹ đứng ra chủ trì.

6. Tất cả các cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.

7. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng Nhà Đầu Tư.

b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Nhà Đầu Tư và đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng Đơn Vị Quỹ của từng loại và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu Tư;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch Ban Đại Diện Quý và người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quý;
  - Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà Đầu Tư là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu Tư là tổ chức.
- c) Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty Quản Lý Quý sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
- d) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành Lập Quý; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quý;
  - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - Số Nhà Đầu Tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Nhà Đầu Tư tham gia biểu quyết;
  - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - Các quyết định đã được thông qua.
- e) Các thành viên Ban Đại Diện Quý phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quý;
- g) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.

#### **Điều 24. Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư**

1. Mỗi Đơn Vị Quý sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quý, Công Ty Kiểm Toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quý được quyền tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được biểu quyết.

2. Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

- a) Được số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn Vị Quý đang lưu hành tham gia biểu quyết; và
- b) Tổng số phiếu biểu quyết tán thành không ít hơn ba mươi phần trăm (30%) tổng số Đơn Vị Quý đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.

3. Đối với các nội dung quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 22 Điều Lệ này, Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

- a) Được số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số Đơn Vị Quý đang lưu hành tham gia biểu quyết; và
- b) Tổng số phiếu biểu quyết tán thành không ít hơn bốn mươi phần trăm (40%) tổng số Đơn Vị Quý đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.

4. Trường hợp cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ hai được tổ chức theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Điều Lệ này, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn Vị Quý tham gia biểu quyết tại Đại Hội tán

thành. Đối với các nội dung quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 22 Điều Lệ này, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất 65% tổng số Đơn Vị Quỹ tham gia biểu quyết tại Đại Hội tán thành.

5. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tán thành.

6. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ.

7. Trong thời hạn bảy (07) ngày, sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư, hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư gửi cho Ngân Hàng Giám Sát, cung cấp cho Nhà Đầu Tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

### **Điều 25. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư**

1. Nhà Đầu Tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư về một số các nội dung quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 22 có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác của Công Ty Quản Lý Quỹ mà có cùng chính sách đầu tư. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu Tư, số lượng Đơn Vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ có cùng chính sách đầu tư do Công Ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với các yêu cầu của Nhà Đầu Tư được gửi tới trụ sở của Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý ký danh, trừ trường hợp chỉ thực hiện được một phần theo quy định tại Điều 17 Điều Lệ Quỹ. Trong trường hợp Chứng Chỉ Quỹ được mua lại hoặc chuyển đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Nhà Đầu Tư không phải thanh toán Phí Mua Lại, Phí Chuyển Đổi.

## **Chương V BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

### **Điều 26. Ban Đại Diện Quỹ**

1. Ban Đại Diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Đại Diện Quỹ là thành viên độc lập.

2. Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có:

- a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
- b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
- c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.

3. Trường hợp cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ hoặc có thành viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, hoặc thành viên buộc phải từ nhiệm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn

thành viên đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ cho tới khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

#### **Điều 27. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ**

1. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
- b) Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- c) Có trình độ chuyên môn về quản lý kinh tế, tài chính và/hoặc pháp luật.

2. Trong trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức là thành viên Ban Đại Diện Quỹ, việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đó của Nhà Đầu Tư tổ chức là sự kiện để chấm dứt tư cách thành viên Ban Đại Diện Quỹ đối với người bị thay đổi. Người được cử làm người đại diện theo ủy quyền mới của Nhà Đầu Tư tổ chức nêu trên không đương nhiên trở thành thành viên Ban Đại Diện Quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban Đại Diện Quỹ nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu theo quy định tại Điều Lệ này.

#### **Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ**

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư.

2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch.

3. Quyết định mức lợi nhuận phân phối; thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Điều Lệ Quỹ có quy định và Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại Diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 22 Điều Lệ này.

5. Có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.

6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

7. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 4 Điều này, Ban Đại Diện Quỹ, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ, phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân Hàng Giám Sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty Quản Lý Quỹ và hệ thống Đại Lý Phân Phối .

8. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại Diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ và quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại Diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

#### **Điều 29. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ**

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ;
  - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ;
  - d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ Quỹ.

### **Điều 30. Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quỹ**

Trường hợp Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên gần nhất.

### **Điều 31. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại Diện Quỹ**

1. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:
  - a) Bị khởi tố hoặc truy tố;
  - b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
  - c) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại Diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền;
  - d) Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ;
  - e) Có văn bản thông báo thành viên Ban Đại Diện Quỹ chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức
2. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:
  - a) Bị cách chức hoặc bãi miễn theo đúng quy định của Điều Lệ này;
  - b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
  - c) Bị cách chức thành viên Ban Đại Diện Quỹ khi có Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
  - d) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng
  - e) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ.
  - f) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 27 của Điều Lệ này.

### **Điều 32. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ**

1. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại Diện Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên.
3. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và bằng hình thức khác mà Ban Đại Diện cho là phù hợp. Mỗi thành viên Ban Đại

Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.

4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua nếu được từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên dự họp và từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên độc lập thông qua.

5. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ.

## **Chương VI** **CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

### **Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ**

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với Ngân Hàng Giám Sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ.
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều Lệ này.

### **Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ**

1. Nghĩa vụ Công Ty Quản Lý Quỹ

- a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty Quản Lý Quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của quỹ theo quy định tại Điều Lệ quỹ. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của quỹ.
- b) Công Ty Quản Lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của quỹ, thay mặt cho quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.
- c) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải:
  - Ký Hợp Đồng Giám Sát với Ngân Hàng Giám Sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát; Trường hợp đầu tư tiền gửi cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay, tại Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với ngân hàng nhận tiền gửi; Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho Quỹ; Công Ty Quản Lý Quỹ phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
  - Tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của chính Công Ty, tài sản của khách hàng ủy thác do Công Ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
  - Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công Ty, hệ thống lưu ký tài sản của quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát với các tổ chức phát hành, Trung Tâm

Lưu Ký Chứng Khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân Hàng Giám Sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ.

- Thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ;
  - Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý Quỹ. Những người điều hành Quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại Bản Cáo Bạch.
- d) Trong hoạt động quản trị quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
- Thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ; Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ;
  - Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.
- e) Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền hoạt động này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ và các quy định tại Điều Lệ quỹ.
- f) Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân Hàng Giám Sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân Hàng Giám Sát để Ngân Hàng Giám Sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân Hàng Giám Sát.
- g) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát phát hiện và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ.
- h) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của Quỹ, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.
- i) Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc do Công Ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà Đầu Tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.

- j) Công Ty Quản Lý Quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm i khoản này.
- k) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại Lý Phân Phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.
- l) Việc sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Trước khi thực hiện, Công Ty Quản Lý Quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.
- m) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:
  - Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quỹ; và
  - Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua công ty chứng khoán là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, không được vượt quá 20% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quỹ.
- n) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
- o) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

## 2. Quyền Công Ty Quản Lý Quỹ

- a) Lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 37 Điều Lệ này;
- b) Được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư vào Quỹ;
- c) Có quyền từ chối phát hành Chứng Chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà Đầu Tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- e) Ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ;
- f) Được hưởng các khoản phí được quy định trong Điều Lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
- g) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;
- h) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ;
- i) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này và các quy định khác của pháp luật.

## **Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ**



1. Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Theo đề nghị Ban Đại Diện Quỹ sau khi đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận;
- b) Bị thu hồi Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động;
- c) Hợp nhất, sáp nhập với một Công Ty Quản Lý Quỹ khác;
- d) Quỹ hết thời gian hoạt động;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một Công Ty Quản Lý Quỹ khác chấp thuận thay thế. Công Ty Quản Lý Quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế để đảm bảo Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật Chứng Khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

3. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.

4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ:

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều Lệ này) theo biểu phí như sau:

<b>Phí được tính trên NAV của Quỹ</b>	<b>Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ</b>
2,0%	Trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%	Sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ đã được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Phí này nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho Công Ty Quản Lý Quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

Nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ vì lý do vi phạm các quy định pháp luật và được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận thì Quỹ sẽ không phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khoản phí nêu trên.

### **Điều 36. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ. Chủ Tịch Công Ty, Kiểm Soát Viên, Ban Điều Hành, nhân viên bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát và ngược lại.

2. Trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quy định khác, nhân viên làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc nhân viên làm việc tại các bên có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chỉ được phép mua hoặc bán Đơn Vị Quỹ bằng với giá mua hoặc giá bán.

3. Mọi giao dịch chứng khoán do Chủ Tịch Công Ty, Kiểm Soát Viên, Ban Điều Hành, nhân viên bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành phải được báo cáo cho bộ

phận Kiểm Soát Nội Bộ trước và ngay khi giao dịch diễn ra. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.

4. Chủ Tịch Công Ty, Kiểm Soát Viên, Ban Điều Hành, nhân viên bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công Ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại Điều Lệ Quỹ.

5. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:

- a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
- b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
- c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà Chủ Tịch Công Ty, Kiểm Soát Viên, Ban Điều Hành, nhân viên bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ, nhân viên của Công Ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) Vốn Điều Lệ;
- d) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.

6. Công Ty Quản Lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.

7. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

## **Chương VII NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

### **Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát**

Ngân Hàng Giám Sát được chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Ngân Hàng Giám Sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Chứng khoán.
2. Ngân Hàng Giám Sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của Ngân Hàng Giám Sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quỹ và ngược lại.
3. Ngân Hàng Giám Sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của Ngân Hàng Giám Sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ.
4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký
5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều Lệ này.

## **Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát**

### **1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát**

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân Hàng Giám Sát;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều Lệ Quỹ;
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp Đồng Giám Sát và Điều Lệ Quỹ;
- e) Quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với những tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, những tài sản của các quỹ khác của cùng một Công Ty quản lý, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và những tài sản của Ngân Hàng Giám Sát. Trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán hoặc bảo lãnh cho những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát hoặc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ là chính xác
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ;
- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều Lệ quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều Lệ;
- l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số Chứng Chỉ Quỹ phát hành, số Chứng Chỉ Quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;
- m) Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập hoặc do Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền lập;
- n) Ngân Hàng Giám Sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát;
- o) Ngân Hàng Giám Sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng Khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều Lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát;
- p) Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí theo quy định tại Hợp Đồng Giám Sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.

### **2. Quyền của Ngân Hàng Giám Sát**

- a) Ngân Hàng Giám Sát được hưởng các loại phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều Lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;
- b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ.

### **Điều 39. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát**

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:

- a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ quỹ.
- b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo ngay cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
- c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
- d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ;
- e) Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm gửi tiền của Quỹ tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản, và Ngân Hàng Giám Sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công Ty Quản Lý Quỹ, chuyển khoản tiền đó tới ngân hàng đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây Ngân Hàng Giám Sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng đó;
- f) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng Khoán và Điều Lệ Quỹ.

2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

3. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ.

4. Ngân Hàng Giám Sát có quyền kiểm tra Công Ty Quản Lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà Đầu Tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Ngân Hàng Giám Sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi Công Ty Kiểm Toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này. Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân Hàng Giám Sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công Ty Quản Lý Quỹ, Quỹ và Nhà Đầu Tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại Diện Quỹ, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.

6. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

#### **Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát**

1. Ngân Hàng Giám Sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Ngân Hàng Giám Sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Chứng Khoán;
- b) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát;
- c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- d) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một Ngân Hàng Giám Sát khác phải theo quy định của pháp luật.

### **CHƯƠNG VIII CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

#### **Điều 41. Các hoạt động được ủy quyền**

Công Ty Quản Lý Quỹ được phép thuê các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các quy định tại Điều Lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

Hoạt động được ủy quyền bao gồm:

- Hoạt động quản trị quỹ đầu tư;
- Hoạt động đại lý chuyển nhượng;
- Các hoạt động khác (khi phát sinh).

#### **Điều 42. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan**

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, theo luật định. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

#### **Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan**

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các qui định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mà mình làm.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
- Lập báo cáo tài chính của Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

b) Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ;
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư;
- Duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu:

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ.

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ.

#### **Điều 44. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền**

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;

3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;

5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

6. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

7. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư;

8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;

9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

10. Tối thiểu một năm một lần, Công Ty Quản Lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công Ty Quản Lý Quỹ);

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư.

#### **Điều 45. Chấm dứt hoạt động ủy quyền**

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;
- b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
- c) Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
- d) Theo đề nghị của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- e) Quỹ bị giải thể;
- f) Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- g) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
- h) Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác.

2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với Công Ty Quản Lý Quỹ. Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của Công Ty Quản Lý Quỹ.

## **Chương IX**

### **ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH**

#### **Điều 46. Điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ**

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ mở.

3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai Đơn Vị Quỹ theo thông lệ quốc tế.

#### **Điều 47. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối**

1. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối bao gồm:

- a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
- b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư;
- c) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;
- d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư bản cáo bạch, bản cáo bạch



tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ.

- e) Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;
- f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

2. Đại lý ký danh được thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 48. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ**

1. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.

2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng Chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản Cáo Bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu Tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.

4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng Chỉ Quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.

5. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Đại Lý Phân Phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng Chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại các bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

7. Đại Lý Phân Phối không được phân phối Chứng Chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chưa thông báo với

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ khi phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.

8. Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công Ty Quản Lý Quỹ.

## **Chương X**

### **KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

#### **Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán**

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) Công Ty Kiểm Toán để trình Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Điều Lệ này, Ban Đại Diện Quỹ thực hiện chọn Công Ty Kiểm Toán để tiến hành kiểm toán cho Quỹ. Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp.
- b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
- c) Được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cho phép kiểm toán quỹ đầu tư
- d) Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

#### **Điều 50. Năm tài chính**

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy Chứng Nhận Lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

#### **Điều 51. Chế độ kế toán**

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

#### **Điều 52. Báo cáo tài chính**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

2. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ để Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

### **Điều 53. Báo cáo khác**

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

## **Chương XI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ**

### **Điều 54. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ trên cơ sở giá thị trường hoặc giá hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.

2. Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

3. Trong thời hạn hai (02) ngày, kể từ Ngày Định Giá, giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại Lý Phân Phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, Giá Trị Tài Sản Ròng được tính chính xác.

5. Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ một tuần một lần vào Thứ Năm và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho Nhà Đầu Tư sau khi có xác nhận của Ngân Hàng Giám Sát xác nhận và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

6. Các quy định khác theo quy định của Điều Lệ.

### **Điều 55. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ**

1. Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản của Quỹ trừ đi các khoản nợ phải trả của Quỹ bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá. Trường hợp không có giá thị trường tại Ngày Giao Dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo qui định tại Điều Lệ Quỹ này, Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp đã được qui định tại Điều Lệ Quỹ này, Sổ Tay Định Giá của Quỹ hoặc sau khi đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản.

2. Giá Trị Tài Sản Ròng trên mỗi Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước đó. Giá Trị Tài Sản Ròng trên mỗi Chứng Chỉ Quỹ được làm tròn theo qui định trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá Trị Tài Sản Ròng trên mỗi Chứng Chỉ Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

3. Việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được thực hiện theo phương pháp định giá được phê duyệt bởi Ban Đại Diện Quỹ theo từng thời điểm phù hợp với các qui định được áp dụng.

## **Điều 56. Quy trình định giá tài sản quỹ**

Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ dựa trên phương pháp định giá được quy định tại Điều 55 và theo Quy trình được quy định tại Bản Cáo Bạch và phù hợp với các quy định của UBCKNN.

Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng, thì Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng là phù hợp với các quy định của pháp luật và Giá Trị Tài Sản Ròng được tính chính xác.

Ngân Hàng Giám Sát xác nhận Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên mỗi Chứng Chỉ Quỹ. Việc xác nhận giá trị phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp bị định giá sai bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh kịp thời Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

## **Điều 57. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi là lớn như sau:

- a) Đạt từ 0,75% giá trị tài sản ròng trở lên trong trường hợp quỹ trái phiếu;
- b) Đạt từ 1,00% giá trị tài sản ròng trở lên trong các trường hợp khác.

2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trước thời gian quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã bán;

b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;

3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;

b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

*Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này, mọi chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư và cho Quỹ phải hạch toán vào chi phí hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp quy định tại khoản a điều 2 và khoản a điều 3, chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư được hạch toán vào Quỹ.*

## **Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá**

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn và trình Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá, không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

## **Chương XII**

### **LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ QUỸ**

#### **Điều 59. Lợi nhuận của Quỹ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản Cáo Bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các Quỹ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

2. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn Vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn Vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ (nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều Lệ quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại Điều Lệ quỹ, bản cáo bạch.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.

4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:

- a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn Vị Quỹ);
- b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
- c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Đơn Vị Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn Vị Quỹ);
- d) Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
- e) Các ảnh hưởng tác động tới giá trị tài sản ròng của Quỹ;

5. Các trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ.

#### **Điều 60. Chi phí hoạt động của Quỹ**

##### **1. Phí Quản Lý Quỹ**

a) Phí Quản Lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ SSI-SCA. Phí quản lý được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.

Phí Quản Lý Quỹ SSI-SCA là 1,5%\*NAV/năm. Trong mọi trường hợp, tổng Phí Quản Lý Quỹ như nêu tại đây, Phí Dịch Vụ Quản Trị Quỹ và Phí Đại Lý Chuyển Nhượng như nêu tại khoản 3 và khoản 4 Điều này sẽ tuân thủ các mức tối đa theo yêu cầu của pháp luật.

b) Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

c) Công thức tính Phí Quản Lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí Quản Lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Phí Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính phí x NAV tại ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

d) Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì Phí Quản Lý được xác định như sau:

Phí Quản Lý trong tháng = [Tỷ lệ % Phí Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính phí x NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) + Phí Quản Lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Phí Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính phí x NAV tại ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

## 2. Phí Lưu Ký, Giám Sát

- a) Phí Lưu Ký, Giám Sát được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Phí Lưu Ký, Giám Sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.
- b) Phí Lưu Ký: 0,03%/năm trên NAV, tối thiểu 10.500.000 VNĐ/tháng.
- c) Phí Giám Sát: 0,04%/năm trên NAV, tối thiểu 16.800.000 VNĐ/tháng.
- d) Tổng số Phí Lưu Ký Và Giám Sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.
- e) Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- f) Công thức tính Phí Lưu Ký, Giám Sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí Lưu Ký, Giám Sát (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí lưu ký, giám sát (năm) x NAV tại ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

- g) Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì Phí Lưu Ký, Giám Sát được xác định như sau:

Phí Lưu Ký, Giám Sát (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % Phí Lưu Ký, Giám Sát (năm) x NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) + PHÍ LƯU KÝ, GIÁM SÁT của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Phí Lưu Ký, Giám Sát (năm) x NAV tại ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

## 3. Phí Dịch Vụ Quản Trị Quỹ

- a) Phí Dịch Vụ Quản Trị Quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
- b) Phí Dịch Vụ Quản Trị Quỹ: 0,04%/năm trên NAV, tối thiểu 10.500.000 VNĐ/tháng.
- c) Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- d) Công thức tính Phí Dịch Vụ Quản Trị Quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí Dịch Vụ Quản Trị Quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

- e) Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì Phí Dịch Vụ Quản Trị Quỹ được xác định như sau:

Phí Dịch Vụ Quản Trị Quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % Phí Dịch Vụ Quản Trị Quỹ (năm) x NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) + Phí Dịch Vụ Quản Trị Quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Phí Dịch Vụ Quản Trị Quỹ (năm) x NAV tại ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

## 4. Phí Đại Lý Chuyển Nhượng

- a) Phí Đại Lý Chuyển Nhượng được trả cho Đại Lý Chuyển Nhượng cho Quỹ.

- b) Phí Đại Lý Chuyển Nhượng: 0,04%/năm trên NAV, tối thiểu 10.500.000 VNĐ/tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- c) Công thức tính Phí Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Phí Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng (năm) x NAV tại ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

- d) Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì Phí Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được xác định như sau:

Phí Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng trong tháng = [Tỷ lệ % Phí Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng (năm) x NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) + Phí Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Phí Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng (năm) x NAV tại Ngày Định Giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

#### 5. Các loại chi phí khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

- a) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- b) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- c) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện;
- d) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- e) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- f) Chi phí sửa đổi Điều Lệ Quỹ vì quyền lợi của Nhà Đầu Tư;
- g) Thù lao cho Ban Đại Diện Quỹ;
- h) Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban Đại Diện Quỹ quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật;
- i) Chi về bảo hiểm (nếu có);
- j) Phí nộp cơ quan quản lý khi xin chứng nhận IPO và chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;
- k) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp luật;
- l) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều Lệ Quỹ và quy định của Pháp luật.

Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Chương XIII TÁI CƠ CẤU QUỸ**

#### **Điều 61. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập**

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

#### **Điều 62. Các điều kiện tách quỹ**

1. Việc tách Quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:

- a) Công ty Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào Ngày Định Giá làm cơ sở mua lại Chứng Chỉ Quỹ mở do sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Các sự kiện khác do Điều Lệ Quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

2. Việc tách quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

### **Điều 63. Các điều kiện giải thể Quỹ**

- 1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
  - a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại Diện Quỹ không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
  - b) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công Ty Quản Lý Quỹ không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
  - c) Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều Lệ Quỹ và trong Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ mà không được gia hạn (đối với Quỹ có thời hạn hoạt động);
  - d) Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
  - e) Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (6) tháng;
  - f) Các trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ Quỹ.
- 2. Việc thanh lý giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Chương XIV**

### **GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH**

#### **Điều 64. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ**

- 1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải:
  - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
  - Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các Quỹ, tài sản của Nhà Đầu Tư uỷ thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
- 2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của Chủ tịch Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban Điều Hành, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
- 3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

## **Chương XV**

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 65. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư**

- 1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại Diện Quý được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại Diện Quý nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban Đại Diện Quý đã thông báo cho Quý.

3. Bản Báo Bạch, Bản Báo Bạch tóm tắt; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo tài chính bán niên; báo cáo hoạt động của Quý hàng tháng, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty Quản Lý Quý và hệ thống Đại Lý Phân Phối, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu Tư.

4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quý hoặc người điều hành của Quý có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quý đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quý hay người điều hành quý nhận.

5. Công Ty Quản Lý Quý thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 66. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ**

Điều Lệ này chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

#### **Điều 67. Đăng ký Điều Lệ**

1. Bản Điều Lệ này bao gồm 15 Chương, 68 Điều và 03 Phụ lục, đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quý thông qua và sẽ có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quý.

Các bản trích hay sao y của bản Điều Lệ này do Quý cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại Diện Quý hoặc người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quý thì mới có giá trị.

2. Điều Lệ này được lập thành bốn (04) bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam:

- 01 bản đăng ký tại Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
- 02 bản lưu tại văn phòng của Công Ty Quản Lý Quý.
- 01 bản lưu tại văn phòng của Ngân Hàng Giám Sát.

#### **Điều 68. Điều khoản thi hành**

Quý được chính thức thành lập sau khi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy Đăng Ký Lập Quý. Công Ty Quản Lý Quý chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Đính kèm cùng Điều Lệ các phụ lục sau:

**Phụ lục 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**Phụ lục 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

**Phụ lục 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

## **PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI

Số Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động 19/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03/8/2007.

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ Đầu Tư Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân Hàng Giám Sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:
  - a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký Nhà Đầu Tư và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;
  - b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
  - c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ;
  - d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác .
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo Bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công Ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời .
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư quỹ theo quy định của pháp luật.

**Tổng Giám Đốc Công Ty Quản Lý Quỹ**

## **PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân hàng Deutsche Bank AG – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh  
Số Giấy Phép Hoạt Động: 107036 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/7/1995  
Số Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán: 09/GPHĐLK do UBCKNN cấp ngày 16/10/2000.

Ngân Hàng Giám Sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

**(Tổng) Giám đốc Ngân Hàng Giám Sát**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ  
VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Công Ty Quản Lý Quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 19/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03/8/2007.

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân hàng Deutsche Bank AG – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh

Số Giấy phép hoạt động: 107036 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/7/1995

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 09/GPHĐLK do UBCKNN cấp ngày 16/10/2000.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại Hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

**Tổng Giám đốc của Công Ty Quản Lý Quỹ**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân Hàng Giám Sát**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*